TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 248/2026/QĐST-HNGĐ	*Đồng Nai, ngày 09 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐỒNG NAI

Căn cứ khoản 4 Điều 397; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 119 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 795/2026/VHNGĐ-ST ngày 01 tháng 6 năm 2026, về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

**** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:***

1. Ông Lê Ngọc C, sinh năm 1976;

CCCD số 034076021571 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 10/8/2021.

Địa chỉ: Tổ G, khu phố V, phường T, thành phố Đ.

2. Bà Ngô Thị Thu T, sinh năm 1982.

CCCD số 036182017271 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 10/8/2021.

Địa chỉ: Tổ G, khu phố V, phường T, thành phố Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Ông Lê Ngọc C và bà Ngô Thị Thu T tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai (nay là UBND phường T, thành phố Đ) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 100, quyển số 02 ngày 16/7/2001.

[2]. Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 01 tháng 6 năm 2026, ông C, bà T đã thỏa thuận thống nhất những nội dung như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Ngọc C và bà Ngô Thị Thu T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung là cháu Lê Thị Ngọc T1, sinh ngày 02/01/2003 và cháu Lê Minh Đ, sinh ngày 23/7/2008. Các đương sự thống nhất giao cháu Đ cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông C không phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu T1 đã đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông C có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở ông C thực hiện quyền này.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cơ quan, tổ chức được quy định tại Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- Về lệ phí việc dân sự: Ông C, bà T mỗi người phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) lệ phí việc dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm tạm ứng lệ phí ông, bà đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Đ theo biên lai thu số 0012859, 0012858 cùng ngày 01 tháng 6 năm 2026. Ông C, bà T đã nộp đủ tiền lệ phí việc dân sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Ngọc C và bà Ngô Thị Thu T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung là cháu Lê Thị Ngọc T1, sinh ngày 02/01/2003 và cháu Lê Minh Đ, sinh ngày 23/7/2008. Các đương sự thống nhất giao cháu Đ cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông C không phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu T1 đã đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông C có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở ông C thực hiện quyền này.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cơ quan, tổ chức được quy định tại Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí việc dân sự: Ông C, bà T mỗi người phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) lệ phí việc dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm tạm ứng lệ phí ông, bà đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Đ theo biên lai thu số 0012859, 0012858 cùng ngày 01 tháng 6 năm 2026. Ông C, bà T đã nộp đủ tiền lệ phí việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự thành phố Đồng Nai;
- UBND phường T, thành phố Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Phan Quyết Tâm